

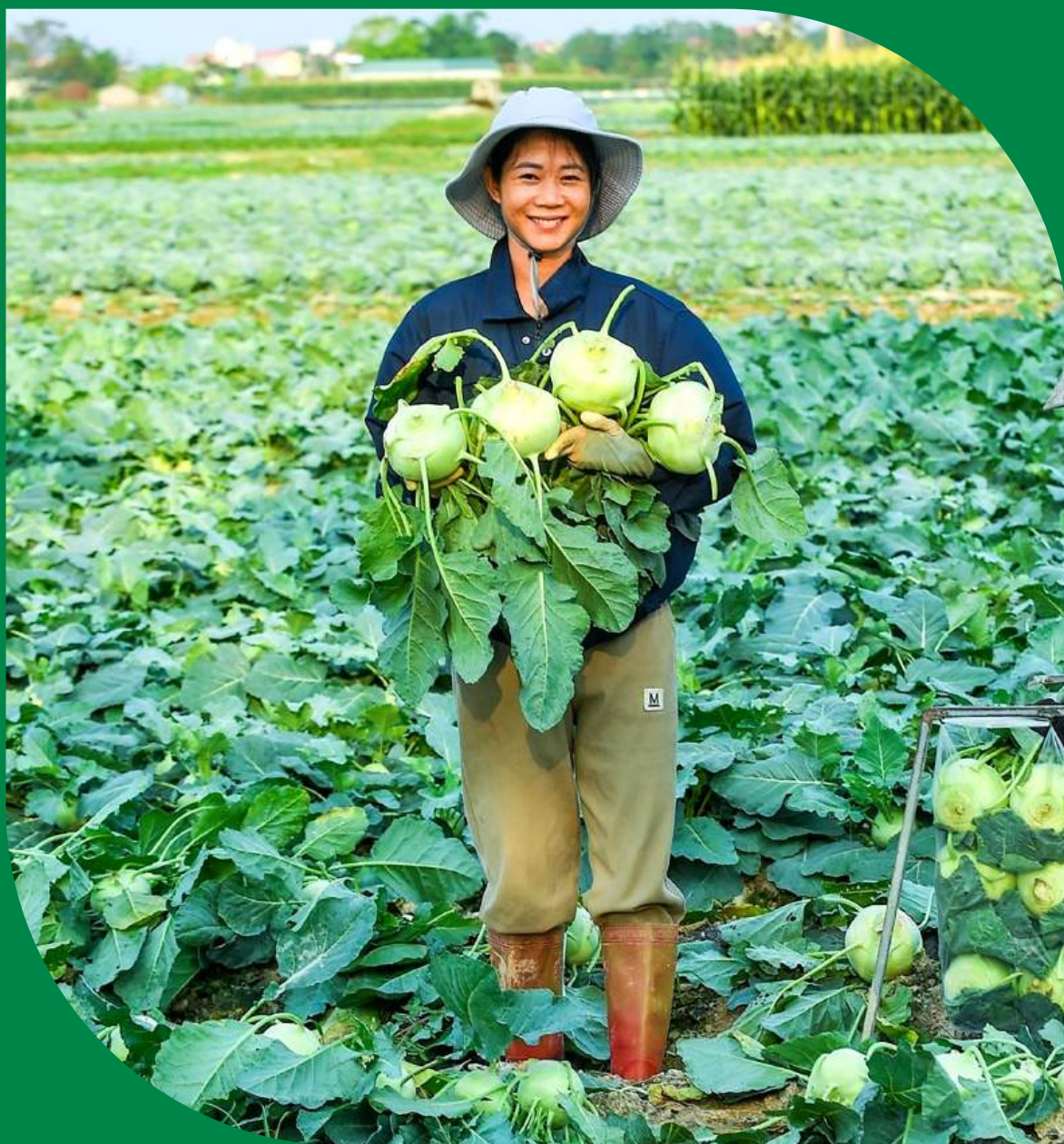
Bản tin

SỐ 05 | 2025

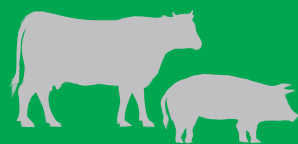
Khuyến nông

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Việt Nam



CÁN BỘ KHUYẾN NÔNG HƯỚNG DẪN BÀ CON CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC PHÒNG CHỐNG ĐÓI, RÉT CHO GIA SÚC



QUYẾT LIỆT PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH GIA SÚC, GIA CẦM VỤ ĐÔNG XUÂN 2025 – 2026

Vụ đông – xuân cuối năm 2025 và đầu năm 2026, nhận định nguy cơ bùng phát các loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi rất cao do nhiều nguyên nhân: Tình hình lũ lụt trên diện rộng làm cho các mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có nguy cơ phát tán ra diện rộng, môi trường chăn nuôi bị ô nhiễm; Thời tiết thay đổi chuyển mùa, làm giảm sức đề kháng của đàn vật nuôi và tạo thuận lợi cho mầm bệnh tồn tại, phát tán diện rộng và gây ra dịch bệnh; Vi- rút dịch tả lợn châu Phi biến đổi làm cho các vắc- xin phòng bệnh này bị giảm tác dụng; Hệ thống thú y cơ sở chưa được bố trí đầy đủ, địa bàn quản lý rộng nên công tác giám sát thực hiện tại tuyến cơ sở còn hạn chế dẫn đến dịch bệnh xảy ra kéo dài, nguy cơ lây lan ra diện rộng cao.

Để chủ động tổ chức kiểm soát tốt, không để các loại dịch bệnh nguy hiểm xảy ra diện rộng, bảo đảm nguồn cung thực phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm trong thời gian trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các Sở, ngành, chính quyền cấp xã của địa phương tập trung các nguồn lực và khẩn trương triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo đúng quy định, trong đó chú trọng tổ chức ngay những biện pháp sau:



Tăng cường công tác quản lý kiểm dịch, kiểm soát giết mổ động vật

1. Bố trí các nguồn lực để tổ chức có hiệu quả kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2025 trong những tháng cuối năm; xây dựng và ban hành kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm năm 2026 trước 31/12/2025 để kịp thời triển khai ngay từ đầu năm 2026, bố trí đầy đủ kinh phí cho các hoạt động của công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.
2. Khẩn trương kiện toàn và nâng cao năng lực của hệ thống thú y tại địa phương, đặc biệt là bố trí nhân viên thú y cấp xã đầy đủ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh địa giới hành chính cấp xã được mở rộng.
3. Công bố dịch và tổ chức chống dịch bệnh theo đúng quy định khi có dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm xảy ra trên gia súc, gia cầm; trường hợp dịch bệnh lây lan nhanh ra diện rộng, kéo dài, nếu đáp ứng các điều kiện công bố dịch của Luật Thú y, thực hiện công bố dịch bệnh cấp tỉnh để huy động đầy đủ các nguồn lực cho công tác xử lý dịch bệnh; huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, tránh trường hợp khoán trắng cho ngành nông nghiệp hoặc hệ thống thú y trong công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

4. Rà soát, tiêm phòng mới, tiêm nhắc lại, tiêm bổ sung cho đàn vật nuôi, bảo đảm tối thiểu trên 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng được tiêm vắc - xin, nhất là đối với bệnh cúm gia cầm, lở mồm long móng, viêm da nổi cục, tai xanh, dại.... trong những tháng cuối năm 2025 và ngay từ đầu năm 2026.

5. Tăng cường công tác chủ động giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm, nhất là tại các khu vực đã từng có dịch bệnh xuất hiện, khu vực có nguy cơ cao để phát hiện sớm, cảnh báo và xử lý dứt điểm khi dịch bệnh mới được phát hiện; xử lý nghiêm các trường hợp giấu, không báo cáo hoặc vứt xác động vật ra môi trường dẫn đến dịch bệnh lây lan rộng, gây bức xúc cho người dân và cộng đồng.

6. Tăng cường công tác quản lý kiểm dịch, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; tổ chức ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trái phép; chỉ đạo cơ quan quản lý thị trường và các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp buôn bán, vận chuyển, giết mổ động vật, chế biến các sản phẩm không bảo đảm yêu cầu về phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

7. Hướng dẫn người chăn nuôi tăng cường áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học; hằng ngày vệ sinh, sát trùng bằng vôi



Rà soát tiêm phòng mới, tiêm nhắc lại, tiêm bổ sung vắc-xin cho đàn vật nuôi

bột, hoá chất khu vực chuồng nuôi và khu vực xung quanh có nguy cơ cao; có biện pháp ngăn chặn các loài trung gian truyền bệnh xâm nhập vào chuồng nuôi, phun thuốc sát trùng, thuốc diệt các loài này.

8. Chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, bất cập trong công tác phòng, chống dịch bệnh, báo cáo số liệu dịch bệnh không đúng quy định; tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng, buôn bán các loại vắc xin, thuốc thú y không bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành.



Người chăn nuôi cần tăng cường áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học

KHẨN TRƯỞNG HOÀN THÀNH VIỆC SẮP XẾP, KIẾN TOÀN HỆ THỐNG KHUYẾN NÔNG

Vừa qua, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức hội nghị khuyến nông toàn quốc năm 2025 nhằm đánh giá kết quả sắp xếp, kiện toàn hệ thống khuyến nông theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp và triển khai Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo báo cáo của các địa phương, đến nay mới có 12 tỉnh, thành phố thực hiện xong đề án sắp xếp, kiện toàn hệ thống khuyến nông theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trần Thanh Nam đề nghị các tỉnh, thành phố tích cực, khẩn trương hơn nữa để sớm hoàn thành việc này, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

- Bố trí cán bộ khuyến nông cấp xã đúng chuyên ngành, phù hợp với quy mô sản xuất và điều kiện cụ thể từng địa phương. Khuyến nông xã cần phải đảm nhiệm tốt 2 nhiệm vụ quan trọng là: (i) nắm chắc tình hình sản xuất, thiên tai, dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực

phẩm trong sản xuất nông nghiệp, môi trường trên địa bàn; (ii) định hướng hoạt động khuyến nông nhà nước cho cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn.

- Củng cố, kiện toàn lực lượng cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng, coi đây là cánh tay nối dài của ngành nông nghiệp ở cơ sở.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh, thành phố ban hành cơ chế chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng để cán bộ yên tâm công tác, gắn bó với nghề khuyến nông.

Về Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các địa phương cần



Các địa phương lưu ý, bố trí cán bộ khuyến nông đúng chuyên ngành phù hợp với quy mô sản xuất và điều kiện cụ thể

bám sát 3 quan điểm đổi mới toàn diện công tác khuyến nông là: (i) khuyến nông hướng đến chuyên nghiệp; (ii) đổi mới hoạt động khuyến nông theo hướng tư duy kinh tế nông nghiệp; (iii) mở rộng phạm vi, nhiệm vụ hoạt động của khuyến nông là: khuyến khích nông dân làm nông nghiệp, bảo vệ môi trường, đào tạo nghề, góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, phát triển cộng đồng,... Do vậy, cán bộ khuyến nông cần phải có kiến thức tổng hợp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khuyến nông trong tình hình mới.

Xác định rõ khuyến nông nhà nước là đơn vị sự nghiệp công, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong tình hình mới, cụ thể: Tổ chức khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã định hướng, dẫn dắt hoạt động khuyến nông và theo dõi nắm chắc tình hình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng lực lượng nông dân chuyên nghiệp ở địa phương, xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm để thực hiện, đảm bảo đúng chủ trương, định hướng phát triển của Bộ, ngành, địa phương. Tăng cường sự phối hợp giữa khuyến nông nhà nước, khuyến nông các viện, trường và khuyến nông tư nhân để chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ. Đồng thời, xây dựng cơ chế chính sách, hỗ trợ tạo điều kiện để các tổ chức khuyến nông thực hiện chức năng hoạt động dịch vụ, đáp ứng nhu cầu thiết thực của nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoàn thành dứt điểm việc sắp xếp, bố trí cán bộ khuyến nông về xã hoạt động theo đúng tinh thần Kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm: Khuyến nông phải gần dân, sát dân và trực tiếp phục vụ nhân dân. Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược khuyến nông thành chương trình, dự án, kế hoạch phát triển khuyến nông dài hạn, trung hạn và hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Trung tâm Khuyến nông quốc gia xây dựng, triển khai kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển khuyến nông; Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khuyến nông các cấp, khuyến nông cộng đồng theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư 18/2020/TT-BNNPTNT về tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khuyến nông đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Sửa đổi Nghị định 83/2018/NĐ-CP về khuyến nông; Rà soát, xây dựng định mức, đơn giá dịch vụ khuyến nông để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng cho các tổ chức khuyến nông, khuyến nông cộng đồng thực hiện.



ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CÁC GIẢI PHÁP ÁP DỤNG VÀO SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong các ngày từ 03 - 05/11 và 10 - 12/11/2025, Văn phòng Thường trực phía Nam - Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Trung tâm Khuyến nông các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk đã tổ chức 02 lớp tập huấn khuyến nông "Ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và các giải pháp áp dụng vào sản xuất kinh doanh".

Lớp tập huấn được xây dựng theo khung chương trình gồm 03 chuyên đề hướng đến mục tiêu chính giúp học viên hiểu đúng, làm đúng và ứng dụng được các giải pháp công nghệ vào thực tiễn sản xuất và kinh doanh nông sản. Học viên được cung cấp bức tranh tổng thể về hiện trạng chuyển đổi số (CDS) trong nông nghiệp của Việt Nam và xu hướng toàn cầu. Qua đó, học viên nhận diện rõ: CDS không chỉ là áp dụng thiết bị hiện đại mà là quá trình tái cấu trúc toàn bộ hoạt động sản xuất - quản lý - tiêu thụ dựa trên cơ sở dữ liệu; Ngành nông nghiệp đang chuyển dịch mạnh sang mô hình nông nghiệp chính xác, nông nghiệp thông minh, hợp tác xã số và chuỗi cung ứng số; Những lợi ích lớn mà CDS mang lại được phân tích sâu như: giảm chi phí vật tư, tối ưu tưới nước - bón phân, minh bạch nguồn gốc sản phẩm, tăng năng suất, dễ dàng tiếp cận thị trường và gia tăng giá trị sản phẩm; Ngoài ra, các giải pháp công nghệ như



Học viên tham quan thực tế mô hình ứng dụng chuyển đổi số

IoT trong canh tác, big data, trí tuệ nhân tạo, blockchain trong truy xuất nguồn gốc, hệ thống quản lý trang trại (FMS) được giới thiệu giúp học viên thấy rõ vai trò then chốt của dữ liệu trong quá trình ra quyết định áp dụng vào thực tiễn sản xuất.

Để việc áp dụng chuyển đổi số được thiết thực hơn, giảng viên đã đưa thiết bị trực quan áp dụng chuyển đổi số để học viên có thể thực hành ngay tại lớp học. Bộ thiết bị đo dinh dưỡng enfarm F và enfarm F+ kết hợp với phần mềm đi kèm trên điện thoại thông minh có thể chuẩn đoán nhanh dinh dưỡng trong đất đồng thời cho ra khuyến nghị phù hợp cho từng cây và từng giai đoạn sinh trưởng phù hợp chỉ trong một thời gian ngắn. Ngoài ra, học viên còn được tham quan các mô hình canh tác nông nghiệp có ứng dụng chuyển đổi số trong các khâu quản lý dinh dưỡng, theo dõi điều kiện sinh thái, giám sát quá trình sản xuất...

Khóa tập huấn không chỉ truyền đạt kiến thức kỹ thuật, mà còn góp phần định hình tầm nhìn chiến lược của khuyến nông trong giai đoạn mới là chuyển từ "hướng dẫn nông dân sản xuất" sang "dẫn dắt nông dân tham gia thị trường bằng dữ liệu, công nghệ và tư duy kinh tế". Đây chính là nền tảng để nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững, hội nhập sâu và vững bước trong kỷ nguyên số.

QUANG VINH

Trung tâm Khuyến nông quốc gia

Lớp tập huấn tại Đắk Lắk

KHUYẾN NÔNG – “CHÌA KHÓA VÀNG” GIÚP NÔNG DÂN XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO VÀ LÀM GIÀU

Trong tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, hoạt động khuyến nông đã được xác lập là giải pháp chiến lược có tính hệ thống và xuyên suốt, tạo nên những bước đột phá quyết định trong công cuộc xóa đói giảm nghèo bền vững, đặc biệt tại các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Tại tọa đàm về Đổi mới cách tiếp cận giảm nghèo “để không ai bị bỏ lại phía sau” do Báo Nông nghiệp và Môi trường tổ chức, ông Lê Minh Linh, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia nhận định rằng: Khuyến nông không chỉ đơn thuần là chuyển giao kỹ thuật mà còn là cầu nối tri thức và thị trường, giúp hàng triệu người dân nông thôn chuyển hóa năng lực sản xuất, thay đổi tư duy kinh tế và vững tin làm giàu trên chính mảnh đất quê hương. Thông qua các mô hình trình diễn, chương trình thông tin tuyên truyền và đào tạo huấn luyện khuyến nông đã

chuyển giao hàng trăm gói công nghệ và tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, giúp nâng cao hiệu quả canh tác, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, tạo sinh kế cho người dân, nhất là địa bàn vùng khó khăn.

Ông Nguyễn Lê Bình, Phó Chánh Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo đánh giá cao vai trò của công tác khuyến nông trong thời gian qua: Khuyến nông đã đồng hành cùng cơ quan quản lý và người dân triển khai nhiều mô hình hiệu quả, không chỉ hỗ trợ về giống, chuyển giao công nghệ mà quan trọng nhất là nâng cao nhận thức cho bà con về nỗ lực thoát nghèo bền vững, hướng dẫn tổ chức sản xuất theo chuỗi hiệu quả. Thời gian tới, khuyến nông cần đẩy mạnh hơn nữa xây dựng mô hình đa mục tiêu, gắn sản xuất với thị trường để nâng cao thu nhập cho bà con.

Hiệu quả kinh tế vượt trội từ các mô hình

Các mô hình khuyến nông đã mang lại những con số ấn tượng, chứng minh hiệu quả kinh tế vượt trội trên nhiều lĩnh vực. Trong trồng trọt, việc áp dụng quy trình canh tác tiên tiến trong sản xuất lúa giúp giảm chi phí đầu vào 10 – 12% và tăng hiệu quả sản xuất 10 – 20%. Đặc biệt, công tác chuyển giao các giống lúa chất lượng cao đã làm năng suất tăng 30–35%, kéo theo thu nhập của nông dân tăng 20 – 25%. Mô hình chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây ăn trái được cấp mã số vùng trồng đã giúp năng suất tăng 15 – 20%, đồng thời tăng hiệu quả kinh tế/thu nhập từ 20 – 30%. Các mô hình thúc đẩy kinh tế rừng đa giá trị như lâm sản ngoài gỗ thâm canh đã tăng thu

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trần Thanh Nam, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia Lê Quốc Thanh động viên người dân tỉnh Lào Cai sớm vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống sau bão, lũ





Khuyến nông đã giúp hàng triệu người dân chuyển hoá năng lực sản xuất, thay đổi tư duy kinh tế và vững tin làm giàu

nhập hộ 15 - 20%. Thậm chí, mô hình vườn ươm cải tiến tại Quảng Trị và Thừa Thiên Huế với công suất 500.000 cây giống/năm còn giúp giảm chi phí đầu vào 30 - 40%. Các mô hình chăn nuôi lợn theo VietGAHP, kỹ thuật thụ tinh nhân tạo trên bò tạo con lai có giá trị cao hơn bò nội, giúp hiệu quả kinh tế cao hơn 15%. Trong thủy sản, các dự án công nghệ sinh học và sản xuất tiên tiến giúp năng suất tăng 10-20%, hiệu quả kinh tế tăng trên 20%, điển hình là mô hình luân canh/xen canh tôm-lúa đạt năng suất tôm 600-650 kg/ha (gấp đôi so với truyền thống). Khuyến nông còn chú trọng các mô hình sinh kế bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu giúp hàng nghìn hộ nông dân khôi phục sản xuất nhanh chóng và nâng cao năng lực ứng phó rủi ro.

Thông tin tuyên truyền triển khai đa dạng, đặc biệt qua các chương trình trên Đài Tiếng nói Việt Nam sử dụng 11 ngôn ngữ đồng bào dân tộc thiểu số, giúp đưa chủ trương, định hướng phát triển ngành đến tận vùng sâu, vùng xa. Các chương trình tập huấn "cầm tay chỉ việc" trực tiếp chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, quy trình canh tác hiện đại và giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao. Điều này giúp nông dân từ bỏ tập quán lạc hậu, giảm thiểu rủi ro (sâu bệnh, biến đổi khí hậu), từ đó tăng sản lượng, cải thiện chất lượng nông sản và gia tăng thu nhập.

Tầm nhìn chiến lược khuyến nông giảm nghèo 2030

Hướng tới giai đoạn mới, Chính phủ triển khai tích hợp 03 Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thành 01 Chương trình mục tiêu quốc gia,

Chiến lược phát triển khuyến nông đặt mục tiêu trên 70% xã ở vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn xây dựng được mô hình khuyến nông giảm nghèo, tạo sinh kế ổn định bền vững cho nông dân nghèo vào năm 2030. Để đạt được mục tiêu này, dự án ưu tiên "Khuyến nông giảm nghèo ở các vùng khó khăn" giai đoạn 2026-2030 sẽ tập trung vào:

Xây dựng mô hình sinh kế bền vững gắn với OCOP, phù hợp điều kiện địa phương, gắn với phát triển sản phẩm đặc sản và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống. Tổ chức tập huấn kỹ thuật tại chỗ, sử dụng ngôn ngữ địa phương, với phương pháp trực quan, thực hành gắn với mô hình cụ thể để đảm bảo hiệu quả tiếp nhận tối đa. Tiếp tục nâng cao năng lực của các tổ khuyến nông cộng đồng và đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, ứng dụng các công nghệ mới (AI, dữ liệu lớn) trong dịch vụ tư vấn khuyến nông. Nhân rộng mô hình và phát triển sinh kế bền vững, huy động nguồn lực và tăng cường phối hợp giữa chính quyền, doanh nghiệp và các tổ chức đoàn thể tại địa phương để hỗ trợ thoát nghèo bền vững. Xây dựng các mô hình chuyển giao kỹ thuật canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời đề xuất chính sách khuyến nông gắn với bảo hiểm nông nghiệp để hỗ trợ nông dân giảm thiểu rủi ro.

Với định hướng chiến lược này, khuyến nông chính là "chìa khóa vàng" để xóa nghèo đa chiều và xây dựng một nền nông nghiệp trách nhiệm - minh bạch - hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển nông thôn mới hiện đại, phồn vinh và bền vững.

NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Trung tâm Khuyến nông quốc gia



Toàn cảnh tọa đàm

VAI TRÒ KHUYẾN NÔNG VÀ TỔ KHUYẾN NÔNG CỘNG ĐỒNG TRONG MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Trong hai ngày 24 - 25/11/2025, tại phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình tổ chức Tọa đàm "Vai trò khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp".

Báo cáo tại Tọa đàm của Trung tâm Khuyến nông quốc gia cho thấy, qua 4 năm triển khai, tính đến ngày 01/7/2025, toàn quốc đã có 34 tỉnh, thành phố (sau sáp nhập) đã thành lập được 5.187 tổ khuyến nông cộng đồng (KNCD) với 47.493 thành viên tham gia. Trong đó, trong Đề án thí điểm 26 Tổ KNCD với 156 thành viên; Ngoài Đề án thành lập 5.161 Tổ KNCD với 47.337 thành viên. Đề án đã góp phần khẳng định vai trò, nhiệm vụ của hệ thống khuyến nông, khuyến nông cộng đồng trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Góp phần thay đổi tư duy, nhận thức trong hệ thống khuyến nông. Đổi mới và đa dạng hóa chức năng, hoạt động của khuyến nông cơ sở từ chuyển giao khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất là chính sang cung cấp thông tin, hướng dẫn kỹ năng quản lý, kinh doanh, phát triển thị trường, bảo vệ môi trường, hướng tới khuyến nông theo nhu cầu và khuyến nông dịch vụ. Góp phần thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp, tri thức hóa nông dân, mở rộng không gian kết nối khuyến

nông, thu hút sự vào cuộc tham gia của các doanh nghiệp, Hợp tác xã (HTX), thúc đẩy xã hội hóa khuyến nông.

Trao đổi thảo luận tại tọa đàm nhiều ý kiến tập trung thảo luận xoay quanh các nội dung gồm: Cần phát huy mạnh mẽ và triển khai đồng bộ các giải pháp về chính sách, đào tạo nhân lực, ứng dụng công nghệ và mở rộng thị trường; Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và môi trường, Trung tâm Khuyến nông và các HTX, doanh nghiệp. Ưu tiên kinh phí cho các dự án nhân rộng mô hình tại HTX; Hỗ trợ HTX xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và kết nối tiêu thụ; Tăng cường đào tạo cán bộ HTX và thúc đẩy ứng dụng chuyển đổi số.

Các đại biểu đã chỉ những thách thức, khó khăn như: Hiện nay nhiều địa phương còn sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; năng suất chưa đồng đều; chuỗi liên kết còn lỏng lẻo; thiếu tính minh bạch trong chuỗi giá trị. Đề xuất các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo xây dựng và phát triển tổ khuyến nông cộng đồng tại cơ sở, tạo điều kiện về địa điểm, phương tiện, trang thiết bị làm việc cho tổ khuyến nông cộng đồng để hoạt động ổn định, lâu dài và hiệu quả.

Tọa đàm cũng đã đề ra một số định hướng, giải pháp như: Các tổ khuyến nông cộng đồng cần bám sát thực tiễn, kịp thời hỗ trợ nông dân giải quyết khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ nông sản, tổ chức liên kết chuỗi giá trị, bảo đảm hiệu quả và bền vững; đổi mới phương thức hoạt động khuyến nông cộng đồng theo hướng đa giá trị, đa chức năng; xây dựng cơ chế chính sách để duy trì lực lượng khuyến nông cộng đồng ...

Ông Hoàng Văn Hồng - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia nhấn mạnh, khuyến nông đóng vai trò là cầu nối giữa các nhà khoa học, nhà quản lý với người nông dân, giúp nông dân tiếp cận tri thức, công nghệ, thị trường và nguồn lực; giúp người dân tự chủ, cải thiện đời sống, đồng thời góp

phần vào sự phát triển chung của đất nước. Khuyến nông đã, đang và sẽ tiếp tục là công cụ chính sách vĩ mô quan trọng, là động lực trực tiếp thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nông nghiệp. Khuyến nông cộng đồng góp phần kết nối hệ thống khuyến nông với cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm hỗ trợ người dân trong tổ chức sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các giải pháp hữu ích vào sản xuất giúp cải thiện sinh kế, tăng thu nhập góp phần xây dựng nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.



Các tổ khuyến nông cộng đồng cần bám sát thực tiễn, hỗ trợ nông dân giải quyết khó khăn trong sản xuất

THÚY HIỀN

Trung tâm Khuyến nông quốc gia

XÂY DỰNG KIẾN THỨC MRV CHO CÁN BỘ KHUYẾN NÔNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT LÚA PHÁT THẢI THẤP



Các học viên thảo luận nhóm tại lớp tập huấn

Từ ngày 13 - 15/11, tại phường Long Xuyên, tỉnh An Giang, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp Viện Môi trường Nông nghiệp và Trung tâm khuyến nông An Giang tổ chức lớp tập huấn "Hướng dẫn đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) phát thải khí nhà kính" cho 30 học viên.

Phát biểu tại buổi khai mạc, Thạc sĩ Đinh Quang Hiếu - Đại diện Viện Môi trường Nông nghiệp cho biết, MRV là cơ sở khoa học và thực tiễn để lượng hóa chính xác các thành quả giảm phát thải khí nhà kính của Đề án. MRV không chỉ là công cụ đo lường mà còn là "xương sống" của các mô hình nông nghiệp carbon thấp. Canh tác lúa nước là một trong những nguồn phát thải khí mê-tan (CH_4) lớn nhất trong nông nghiệp. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống MRV là yêu cầu bắt buộc để Việt Nam thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính, đồng thời đáp ứng chỉ tiêu của Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao.

Trong ba ngày tập huấn, học viên được giới thiệu trọn vẹn các khái niệm về khí nhà kính, quy trình đo đạc hiện trường, thu thập dữ liệu hoạt động, tính toán lượng phát thải, lập báo cáo và quy trình thẩm định độc lập. Đặc biệt, các buổi thảo luận

nhóm đã giúp học viên nắm vững cách áp dụng MRV vào từng mô hình canh tác thực tế của tỉnh. Trong khuôn khổ khóa tập huấn, các học viên có chuyến tham quan thực địa tại hai mô hình thí điểm 50 ha lúa phát thải thấp tại HTX Hiệp Xuân Phú (xã Bình Thạnh Đông) và HTX Thanh Niên Phú Hòa (xã Tân Hội). Tại đây, học viên được quan sát thực tế cách thu thập số liệu hoạt động, cách ghi chép nhật ký sản xuất, cách theo dõi hệ thống tưới - khô xen kẽ, cũng như cách đánh giá lượng rơm rạ và lượng phân bón sử dụng.

Thạc sĩ Đinh Quang Hiếu khẳng định, việc tổ chức lớp tập huấn tại An Giang được xem là bước chuẩn bị quan trọng để đội ngũ cán bộ khuyến nông, Tổ khuyến nông cộng đồng và HTX nắm chắc yêu cầu kỹ thuật trong đo lường, báo cáo và thẩm định trước khi triển khai thực tế trên quy mô lớn. Khi MRV được áp dụng thống nhất, địa phương sẽ có đầy đủ dữ liệu để báo cáo, thẩm định, cũng như chứng minh hiệu quả giảm phát thải theo chuẩn quốc tế. Một hệ thống MRV khi đã tốt sẽ giúp An Giang và toàn vùng ĐBSCL không chỉ canh tác lúa hiệu quả hơn, mà còn đủ điều kiện tham gia thị trường carbon trong tương lai.

Mô hình canh tác lúa thông minh, phát thải thấp do Trung tâm Khuyến nông quốc gia và công ty Bayer triển khai

TRANG NGHIỆM

Trung tâm Khuyến nông An Giang

TRỒNG RỪNG THÂM CANH KEO LAI GÓP PHẦN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TẠI QUẢNG TRỊ



Dự án hỗ trợ vật tư chăm sóc rừng sau trồng cho các hộ thực hiện mô hình



Mô hình trồng rừng thâm canh cây keo lai cho các hộ nghèo và cận nghèo tại xã Hướng Phùng

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị triển khai mô hình trồng rừng thâm canh cây keo lai cho các hộ nghèo và cận nghèo tại xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị với quy mô 50 ha, có 48 hộ dân tham gia. Mô hình nhằm hỗ trợ sinh kế cho người dân miền núi, góp phần phủ xanh đất trống đồi núi trọc, cải thiện môi trường sinh thái và nâng cao thu nhập.

Dự án đã cấp cho các hộ dân 91.300 cây giống keo lai mô chất lượng cao, cùng với 16.600 kg phân bón NPK (5:10:3) phục vụ trồng rừng. Ngoài ra, các hộ còn tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc và quản lý rừng thâm canh, do cán bộ khuyến nông hướng dẫn trực tiếp tại hiện trường. Nhờ đó, bà con không chỉ nắm vững quy trình kỹ thuật mà còn thay đổi nhận thức từ trồng rừng theo phương thức quảng canh sang hướng chăm sóc, quản lý rừng có năng suất, chất lượng cao.

Đến nay, 100% diện tích rừng trong mô hình đã được trồng hoàn thành, đảm bảo đúng thời vụ, kỹ thuật. Sau hơn một tháng trồng, cây sinh trưởng tốt, tỷ lệ sống cao, chiều cao tăng trung bình trên 10 cm, thể hiện sự thích nghi tốt với điều kiện đất đai và khí hậu của địa phương. Hiện tại, cán bộ kỹ thuật đang tiếp tục hướng dẫn bà con chăm sóc, dặm cây và phòng trừ sâu bệnh để đảm bảo rừng phát triển đồng đều, bền vững.

Thời gian tới, Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị sẽ tổ chức các lớp tập huấn ngoài mô hình cho 120 hộ dân và chương trình tham quan học tập mô hình cho 200 hộ. Thông qua đó, người dân được chia sẻ kinh nghiệm thực tế, nâng cao nhận thức về giá trị kinh tế và môi trường của mô hình trồng rừng thâm canh keo lai, tạo hiệu ứng lan tỏa, góp phần nhân rộng mô hình hiệu quả trên địa bàn. Đây cũng là giải pháp giúp tăng cường liên kết cộng đồng, hình thành tổ nhóm trồng rừng hợp tác, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế lâm nghiệp tập thể.

Mô hình trồng rừng keo lai thâm canh tại xã Hướng Phùng là minh chứng rõ nét cho hiệu quả của công tác khuyến nông, khuyến lâm gắn với mục tiêu giảm nghèo bền vững, mở ra triển vọng mới cho công cuộc phát triển rừng sản xuất chất lượng cao, góp phần hiện thực hóa mục tiêu “Xanh hóa đất trống – nâng cao thu nhập – xây dựng nông thôn bền vững” ở vùng núi Quảng Trị.

PHAN NGỌC ĐỒNG

Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị

MỞ RA HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỪ MÔ HÌNH NUÔI NGAN THƯƠNG PHẨM AN TOÀN SINH HỌC

Có điều kiện tự nhiên thuận lợi, nguồn thức ăn phong phú, song người dân xã Mường Khương, tỉnh Lào Cai vẫn chủ yếu nuôi gia cầm theo hình thức nhỏ lẻ, hiệu quả chưa cao. Nhằm khai thác tiềm năng sẵn có, năm 2025, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh triển khai Mô hình nuôi ngan thương phẩm an toàn sinh học, giúp người dân nâng cao thu nhập, phát triển chăn nuôi bền vững.



Hội nghị tổng kết mô hình



Tham gia mô hình là 17 hộ nghèo, cận nghèo, tự nguyện đăng ký, nhiệt tình tiếp thu và mạnh dạn áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất. Bà con được hỗ trợ 1.500 con ngan giống (giống ngan Trâu), 14.100 kg thức ăn hỗn hợp, 750 lít hóa chất sát trùng pha loãng, 75 kg chế phẩm sinh học. Đồng thời cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Khuyến nông tỉnh tập huấn hướng dẫn bà con kỹ thuật chăn nuôi an toàn sinh học. Nhờ vậy, bà con đã chủ động từ khâu chuẩn bị chuồng trại, chăm sóc và phòng trừ bệnh đúng quy trình kỹ thuật và lịch tiêm phòng theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật. Với phương pháp chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, người dân xây dựng chuồng trại bảo đảm thoáng mát, khô ráo. Bố trí chuồng nuôi, khu chăn thả và khu nước tắm phù hợp với tập tính của ngan. Thức ăn được phối trộn giữa thức ăn hỗn hợp với nguồn thức ăn sẵn có tại địa phương như ngô, sắn, thân chuối, vừa tiết kiệm chi phí vừa tận dụng được phụ phẩm nông nghiệp.

Theo đánh giá của bà con, nhờ sử dụng con giống chất lượng, tuân thủ hướng dẫn kỹ thuật và tiêm vắc – xin đầy đủ nên đàn ngan khỏe mạnh, tăng trọng nhanh, hạn chế dịch bệnh. Tỷ lệ sống đạt trên 97%, cao hơn so với nuôi ngan truyền thống. Sau 3 tháng, ngan mái đạt 3 – 3,5 kg/con, ngan trống 4,5 – 4,8 kg/con. Với giá bán 75.000 – 80.000 đồng/kg, cao hơn ngan nuôi truyền thống khoảng 10.000 đồng/kg, mỗi hộ thu lãi từ 6 – 7 triệu đồng sau khi trừ chi phí.

Mô hình giúp tạo việc làm ổn định, nâng cao nhận thức của nông dân về chăn nuôi an toàn, bảo vệ môi trường. Các hộ tham gia dần thay đổi tập quán sản xuất, tạo tiền đề xây dựng vùng nuôi ngan theo hướng hàng hóa tại địa phương, mở ra hướng phát triển kinh tế mới cho bà con nơi đây. Từ kết quả bước đầu, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh phối hợp với xã Mường Khương định hướng nhân rộng mô hình nuôi ngan thương phẩm trong những năm tới, góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững.



Mô hình nâng cao nhận thức của bà con về chăn nuôi an toàn sinh học, mở ra hướng phát triển kinh tế mới

NUÔI TÔM 2 GIAI ĐOẠN, HƯỚNG ĐI HIỆU QUẢ CHO CÁC VÙNG NUÔI VEN SÔNG Ở QUẢNG TRỊ



Lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông
Quảng Trị kiểm tra mô hình

Tại xã Vĩnh Thủy và Triệu Bình, mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng 2 giai đoạn vùng ven sông do Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Trị triển khai đang mở ra hướng đi hiệu quả, giúp phát triển bền vững nghề nuôi tôm và thân thiện với môi trường.

Mô hình được triển khai tại ao nuôi nằm ven sông Sa Lung và sông Hiếu của 2 hộ dân thuộc xã Vĩnh Thủy và Triệu Bình, có tổng diện tích 0,5 ha, thả nuôi 1 triệu con giống tôm thẻ chân trắng, mật độ 200 con/m². Trong đó, ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% con giống, thức ăn công nghiệp và chế phẩm vi sinh.



Hệ thống ao nuôi bao gồm: ao chứa, ao lắng dùng để cấp nước cho toàn bộ hệ thống sau khi xử lý; ao ương được lót bạt và phủ lưới lan hoàn toàn, có hệ thống quạt, o₂-xy đáy dùng để ương tôm giống trong giai đoạn đầu; ao nuôi thương phẩm có diện tích 0,25 ha được lót bạt và có mái che, có hệ thống quạt, o₂-xy đáy đảm bảo nuôi với mật độ cao. Tôm giống được chọn lựa từ các cơ sở có uy tín, đảm bảo chất lượng và sạch bệnh. Sử dụng thức ăn công nghiệp có hàm lượng đạm trên 39%. Ngoài ra, trong suốt quá trình nuôi cán bộ kỹ thuật còn thường xuyên tập huấn, theo dõi, kiểm tra tình hình sinh trưởng của tôm để có giải pháp xử lý hiệu quả nhất.

Anh Trần Văn Dụng ở tại xã Vĩnh Thủy, một trong hai hộ thực hiện mô hình cho biết, tôm giống được thả vào ao ương (giai đoạn 1), sau 21 ngày thả nuôi khi tôm đạt kích cỡ khoảng 1.500 con/kg thì chuyển sang ao nuôi thương phẩm (giai đoạn 2). Đây là giai đoạn quyết định đến năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cuối vụ, do đó công tác chăm sóc, quản lý cần được thực hiện nghiêm ngặt, đồng bộ. Ở giai đoạn 2, anh Dụng sử dụng máy cho tôm ăn tự động cho ăn 5 phút/lần, mỗi lần 10 giây. Mặt khác, hàng ngày phải sử dụng men vi sinh để ổn định các yếu tố môi trường; thay nước bằng hệ thống xi phông đáy, lượng nước thay khoảng 20%.

Sau 4 tháng nuôi, tôm đạt kích cỡ bình quân từ 39 – 50 con/kg, tỉ lệ sống đạt trên 74%. Sản lượng thu hoạch đối với hộ thực hiện mô hình ở xã Vĩnh Thủy là trên 10,25 tấn, ở xã Triệu Bình là 7,4 tấn. Trừ chi phí, bà con đạt lợi nhuận tương ứng lần lượt là trên 850 triệu đồng và 500 triệu đồng.

LAN ANH – TRÀ LÝ

Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị

THÀNH CÔNG BƯỚC ĐẦU CỦA DỰ ÁN NUÔI CÁ SONG BẰNG LỒNG HDPE ĐẠT CHỨNG NHẬN VIETGAP

Trung tâm Khuyến nông Hải Phòng vừa tổ chức Hội nghị sơ kết Dự án “Xây dựng mô hình nuôi cá song (mú Trôn Châu) bằng lồng HDPE trên biển đạt chứng nhận VietGAP gắn với tiêu thụ sản phẩm” năm 2025.

Dự án thuộc Chương trình Khuyến nông Trung ương giai đoạn 2025 - 2027, trong đó, năm 2025, dự án được triển khai tại Đặc khu Cát Hải (thành phố Hải Phòng) và Đặc khu Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh). Mô hình thực hiện trong thời gian 10 tháng, tổng quy mô 12.600 con giống trên 630 m³ lồng HDPE với 2 hộ tham gia. Bà con được hỗ trợ 70% vật tư thiết yếu, đối ứng 30% và chủ động nhân công chăm sóc.

Nhiều năm qua, nghề nuôi cá lồng, bè ở Hải Phòng và Quảng Ninh phát triển mạnh nhưng chủ yếu sử dụng lồng gỗ, phao xốp truyền thống. Phương thức này bộc lộ nhiều hạn chế: tuổi thọ thấp, dễ hư hỏng, ô nhiễm môi trường, rủi ro cao khi có bão. Trong khi lồng HDPE - công nghệ nuôi biển tiên tiến với độ bền cao, kỳ vọng mở ra hướng đi mới bền vững hơn. Đối tượng nuôi là cá song có tốc độ sinh trưởng nhanh, chất lượng thịt tốt, tiềm năng thị trường cao.

Kết quả triển khai mô hình trong năm 2025 cho thấy hiệu quả vượt trội về cả kỹ thuật và kinh tế. Tỷ lệ sống của cá song đạt 75,8%, cao hơn so với mục tiêu ban đầu.



Cán bộ khuyến nông kiểm tra sự sinh trưởng và phát triển của cá

Năng suất bình quân đạt 17 kg/m³, vượt 13,3% so với kế hoạch, góp phần nâng tổng sản lượng thu hoạch lên 10.736 kg. Chi phí sản xuất được tối ưu đáng kể, giảm xuống còn 170.800 đồng/kg cá thương phẩm. Nhờ đó, mô hình mang lại lợi nhuận 635,56 triệu đồng/630 m³ lồng HDPE, cao hơn 69,8% so với phương thức nuôi truyền thống. Toàn bộ sản phẩm của mô hình được các doanh nghiệp liên kết bao tiêu, giúp người nuôi yên tâm về đầu ra. Đặc biệt, 100% hộ tham gia được hướng dẫn, thẩm định và cấp chứng nhận VietGAP, bảo đảm tiêu chuẩn an toàn và nâng cao giá trị thương phẩm của sản phẩm cá song.

Phát biểu tại Hội nghị, bà Lương Thị Kiểm, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hải Phòng khẳng định mô hình phù hợp định hướng phát triển nuôi biển công nghiệp, an toàn và bền vững của thành phố. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố đề nghị tiếp tục hoàn thiện quy trình kỹ thuật, tăng cường quản lý môi trường vùng nuôi, mở rộng liên kết chuỗi tiêu thụ và hỗ trợ địa phương quy hoạch hạ tầng phục vụ chuyển đổi sang lồng HDPE. Với kết quả tích cực trong năm đầu triển khai, dự án được kỳ vọng góp phần nâng cao thu nhập cho ngư dân, giảm tác động môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế biển và hướng tới nhân rộng mô hình tại các tỉnh ven biển.

NGUYỄN HƯƠNG GIANG

Trung tâm Khuyến nông Hải Phòng

KẾT NỐI BẢO TỒN RỪNG VÀ SINH KẾ CỘNG ĐỒNG TẠI VÙNG ĐỆM CÁC VƯỜN QUỐC GIA

Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội và Vườn Quốc gia Ba Vì tổ chức Tọa đàm “Kết nối bảo tồn rừng và sinh kế cộng đồng tại vùng đệm các Vườn quốc gia – Kinh nghiệm và bài học từ thực tiễn”.

Các đại biểu chia sẻ nhiều mô hình hiệu quả: Trồng cây dược liệu dưới tán rừng ở Ba Vì, Hoàng Liên, Kon Ka Kinh... với các loài như ba kích, sa nhân tím, đinh lăng, lan kim tuyến, thu nhập hộ tăng 1,5–3 lần so với trồng truyền thống; Mô hình du lịch sinh thái cộng đồng ở Cúc Phương, Xuân Sơn, Pù Mát, mô hình homestay – trải nghiệm rừng – ẩm thực bản địa đã tạo sinh kế ổn định, giúp người dân bảo tồn văn hóa và giảm khai thác rừng. Mô hình nông – lâm kết hợp theo hướng kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, triển khai các hệ thống canh tác kết hợp giữa cây gỗ, cây ăn quả, cây nông nghiệp và chăn nuôi ở vườn quốc gia Ba Vì, Bạch Mã, Pù Mát, Yok Don... giúp độ che phủ cây xanh ổn định; lượng phát thải khí nhà kính giảm; thu nhập hộ tăng từ 20–40% so với sản xuất đơn thuần.

Bên cạnh kết quả tích cực, các đại biểu cũng chỉ ra những tồn tại như mô hình sinh kế quy mô nhỏ, khó nhân rộng; năng lực cộng đồng hạn chế; đầu ra cho sản phẩm sinh thái chưa ổn định... Từ thực tiễn đó, các chuyên gia đề xuất 5 nhóm giải pháp trọng tâm: Lồng ghép



Toàn cảnh tọa đàm

các chương trình phát triển sinh kế với quy hoạch vùng đệm. Quy hoạch sinh kế theo không gian sinh thái – xã hội giúp tránh xung đột tài nguyên và tối ưu hóa giá trị dịch vụ hệ sinh thái. Liên kết chuỗi giá trị, gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tài chính hoặc thị trường. Ứng dụng khoa học – công nghệ trong quản lý rừng, giám sát dịch vụ hệ sinh thái và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Phát huy tri thức bản địa, kết hợp với kỹ thuật hiện đại và quản lý thích ứng. Tăng cường vai trò của khuyến nông trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật và nhân rộng mô hình sinh kế bền vững.

Tổng kết tọa đàm, ông Hoàng Văn Hồng – Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia khẳng định: Bảo tồn rừng không thể tách rời sinh kế của người dân, khi được hưởng lợi từ rừng, người dân sẽ trở thành người bảo vệ rừng tích cực, hiệu quả nhất.

Trồng thảo quả dưới tán rừng vừa giúp bảo vệ rừng, vừa tăng thu nhập

NGUYỄN SÂM

Trung tâm Khuyến nông quốc gia

GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG RÉT CHO GIA SÚC TẠI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Trong 02 ngày 20-21/11/2025, tại tỉnh Lào Cai, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai tổ chức Toạ đàm với chủ đề "Giải pháp phòng chống rét cho gia súc tại các tỉnh miền núi phía Bắc".

Những năm gần đây, biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan đang diễn biến ngày càng phức tạp. Tại các tỉnh miền núi phía Bắc, các đợt rét đậm, rét hại kéo dài thường xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau, nhiệt độ trung bình nhiều ngày xuống dưới 10°C, một số khu vực giảm tới 0°C, gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp, nhất là chăn nuôi đại gia súc, tập trung ở các tỉnh như Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng.

Tại buổi toạ đàm, các đại biểu tham dự đã nêu nhiều ý kiến về những vấn đề khó khăn trong chăn nuôi gia súc bền vững ở vùng cao, nhất là chăn nuôi gia súc vỗ béo; các giải pháp phòng, chống đói, rét cho đàn gia súc; một số chính sách khuyến khích người dân chăn nuôi, chính sách hỗ trợ người chăn nuôi xây dựng chuồng trại, chính sách hỗ trợ khi đàn gia súc bị thiệt hại do thiên tai, thời tiết... Những câu hỏi, vướng mắc của bà con nông dân đã được các chuyên gia, các nhà quản lý giải đáp, tháo gỡ, định hướng.

Phát biểu kết luận toạ đàm, ông Hoàng Văn Hồng, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia tổng kết các nhóm giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống rét cho gia súc, cần triển khai đồng bộ như sau:

Về giải pháp kỹ thuật: Lựa chọn các giống vật nuôi có sức đề kháng tốt, phù hợp với khí hậu vùng miền; Tập trung cải tiến, hoàn thiện các mô hình chuồng trại ấm vào mùa đông, mát vào mùa hè; Phát triển vùng trồng và dự trữ thức ăn thô xanh tại chỗ; đẩy mạnh ứng dụng chế phẩm vi sinh và công nghệ trong ủ chua, phơi sấy nhằm bảo đảm nguồn thức ăn ổn định quanh năm; Chủ động chăm sóc, tăng cường dinh dưỡng, thực hiện tẩy ký sinh trùng, tiêm phòng đầy đủ và theo dõi chặt chẽ sức khỏe đàn gia súc trước và trong mùa rét để nâng cao sức đề kháng; Việc đốt sưởi ấm cho gia súc phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc an toàn phòng cháy và không gây hại đến sức khỏe trâu, bò.

Thực hiện đổi mới mạnh mẽ công tác truyền thông khuyến nông, kết hợp linh hoạt mạng xã hội, hệ thống truyền thanh cơ sở và các video hướng dẫn thao tác tại hiện trường; đào tạo đội ngũ nông dân nòng cốt, tổ chức tập huấn cầm tay chỉ việc ngay tại bản, tại hộ mẫu, giúp bà con tiếp thu nhanh, làm đúng kỹ thuật và lan tỏa hiệu quả trong cộng đồng.



Chuyên gia hướng dẫn dự trữ thức ăn cho thức ăn cho gia súc những ngày giá rét

ÁNH NGUYỆT

Trung tâm Khuyến nông quốc gia

XÃ CHI LĂNG NAM XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GẮN VỚI NÔNG THÔN THÔNG MINH

Bánh đa Hội Yên là sản phẩm
OCOP 3 sao nổi tiếng của xã



Năm 2023, xã Chi Lăng Nam đầu tư
trên 12 tỷ đồng để nâng cấp
đường giao thông nội đồng

Sau khi hoàn thành chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới (NTM) nâng cao vào năm 2021, xã Chi Lăng Nam đã bắt tay ngay vào thực hiện xây dựng NTM kiểu mẫu và xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của xã trong giai đoạn 2021 – 2025.

Từ năm 2022 – 2023, xã Chi Lăng Nam huy động được hơn 34,84 tỷ đồng để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn. Trong đó, vốn ngân sách hơn 29 tỷ đồng, còn lại là sự đóng góp của nhân dân. Diện mạo nông thôn của xã thay đổi từng ngày, đường giao thông được mở rộng, bê tông hóa và có hệ thống điện chiếu sáng. Trường học, trạm y tế, nhà văn hóa được đầu tư xây dựng hoặc cải tạo, đáp ứng nhu cầu học tập, khám chữa bệnh và sinh hoạt cộng đồng của người dân.

Về sản xuất, xã Chi Lăng Nam đẩy mạnh phát triển các mô hình kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao giá trị canh tác; tích cực chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất, giá trị kinh tế cao, tạo môi trường thông thoáng để các hộ gia đình và doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, điển hình, phát triển kinh tế hiệu quả.

Thời đại công nghệ số, Ban Chỉ đạo xây dựng NTM xã Chi Lăng Nam đã rà soát, đánh giá thực trạng và quyết định lựa chọn thôn Triều Dương để xây dựng mô hình thôn thông minh. Ban lãnh đạo thôn đã phối hợp với xã triển khai lắp đặt 15 camera an ninh, mạng Internet. Số người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh và mạng 4G, 5G đạt 97,6%. Tại nhà văn hóa thôn thiết kế mã QR để nhân dân có thể quét mã, tìm hiểu lịch sử làng, nội quy, quy ước và các thông tin của thôn để nhân dân nắm bắt và thực hiện. Thôn trang bị máy tính đặt tại nhà thư viện phục vụ chuyển đổi số, hỗ trợ nhân dân nộp hồ sơ trực tuyến và thực hiện công việc của thôn ...

Nhờ sự chuyển mình trong sản xuất, thương mại, du lịch, dịch vụ và áp dụng công nghệ, thu nhập bình quân đầu người của xã Chi Lăng Nam không ngừng tăng. Tổng giá trị thu nhập toàn xã năm 2023 ước đạt 456,84 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 75,1 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ nghèo đa chiều giảm dưới 1%; 3/3 thôn giữ vững danh hiệu làng văn hoá; xã có ba cấp học đều đạt chuẩn quốc gia; trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững ...

Đầu năm 2025, Chi Lăng Nam long trọng tổ chức Lễ đón bằng công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về văn hoá.

NGUYỄN THỊ TUYẾN

Trung tâm Khuyến nông Hải Phòng



TRỒNG NHO CHO HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO Ở BẮC NINH

Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ngày càng có nhiều mô hình nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, vừa bảo đảm nguồn cung nông sản an toàn, vừa bảo vệ môi trường sinh thái. Một trong những mô hình tiêu biểu đó là mô hình trồng nho hạ đen và nho sữa của Hợp tác xã Nông nghiệp và PTNT công nghệ cao Huyện Trang, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh.

Trước đây, với 6.000 m², HTX chuyên trồng rau ăn lá và dưa các loại, phải quay vòng nhiều vụ trong năm, đầu tư khá cao nhưng đầu ra lại không ổn định. Vì vậy, HTX đã chuyển đổi trồng 2.000 m² nho hạ đen và 2.000 m² nho sữa.

Chị Nguyễn Thị Thảo, thành viên HTX cho biết: Năm đầu tiên trồng nho hạ đen, nhờ tư vấn hướng dẫn kỹ thuật của Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang nên sau hơn một năm, vườn nho cho lứa quả đầu tiên với năng suất và chất lượng

vượt ngoài mong đợi, nho ngọt, mã đẹp. Đến nay là năm thứ tư vườn nho cho thu hoạch, 2 vụ/năm, mỗi vụ thu hoạch 2,5 - 3 tháng, sản lượng khoảng 4 tấn quả/năm. Với giá bán 150.000 - 200.000 đồng/kg, mang lại doanh thu gần 700 triệu đồng.

Trồng nho yêu cầu kỹ thuật cao, chăm sóc tỉ mỉ. Trong giai đoạn cây ra hoa và đậu quả, nhu cầu nước tăng cao, đảm bảo độ ẩm đất ổn định. Thời điểm tưới tốt nhất là sáng sớm hoặc chiều mát. Tưới trực tiếp vào gốc, tránh làm ướt lá và chùm quả vào buổi tối để hạn chế nấm bệnh phát triển. Bón phân là yếu tố then chốt để đảm bảo cây đủ dinh dưỡng, chia lượng phân thành nhiều lần bón trong năm, tùy theo giai đoạn.

Cắt tỉa cành là kỹ thuật bắt buộc và rất quan trọng, giúp tạo tán, điều chỉnh sinh trưởng, loại bỏ cành già, yếu, sâu bệnh để kích thích cây ra hoa, kết quả và duy trì năng suất ổn định qua các năm. Bên cạnh đó, kỹ thuật tỉa chùm và tỉa quả là bí quyết để có được những chùm nho to, đều, đẹp và đạt chất lượng cao.

Trong quá trình chăm sóc, chú ý phòng trừ các loại sâu bệnh cho cây nho như rệp sáp, nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá; bệnh nấm phấn trắng, nấm mốc sương, bệnh thán thư. Các bệnh này thường phát triển trong điều kiện ẩm ướt và không thông thoáng.

Thực tiễn trồng nho đầu tư giống một lần, cho thu hoạch liên tục từ 10-15 năm. Nho trồng càng lâu năm năng suất càng ổn định, chi phí đầu tư càng thấp. Không dừng lại ở sản xuất, HTX Nông nghiệp và PTNT công nghệ cao Huyện Trang từng bước xây dựng vườn nho thành điểm trải nghiệm du lịch hấp dẫn cho khách đến tham quan và thưởng thức nho tại vườn.



NGƯỜI PHỤ NỮ DÂN TỘC NÙNG ĐƯA LỢN ĐEN BẢN ĐỊA NÂNG TẦM OCOP

Đó là câu chuyện đầy cảm hứng của chị Cao Thị Hòa, dân tộc Nùng, xã Bản Lầu, tỉnh Lào Cai, người đã đưa lợn đen bản địa thành sản phẩm OCOP nổi tiếng, góp phần bảo tồn giống vật nuôi quý, đồng thời mở ra hướng đi mới cho phát triển kinh tế nông thôn vùng cao.

Lợn đen bản địa từ lâu đã là vật nuôi gắn bó mật thiết với đồng bào dân tộc Nùng. Đây là giống lợn có sức đề kháng tốt, dễ thích nghi nhưng hiện con giống đang ít dần đi. Vì vậy, chị Hòa quyết tâm khôi phục và phát triển giống lợn đen bản địa. Từ vài con giống ban đầu, đàn lợn của chị dần phát triển lên đến hàng trăm con.

Không dừng lại ở chăn nuôi, chị đã mạnh dạn thử nghiệm chế biến các sản phẩm truyền thống từ lợn đen như: Khâu nhục Mường Khương; Thịt lợn bản Mường Khương; thịt chưng mắm tép Năm 2021, sản phẩm “Khâu nhục Mường Khương” đạt chứng nhận OCOP 3 sao cấp tỉnh. Đây là bước ngoặt lớn giúp sản phẩm có cơ hội tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại và được người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh biết đến.



Chị Hoà chăm sóc đàn lợn đen bản địa của gia đình

Với mong muốn không chỉ làm giàu cho bản thân mà giúp đỡ đồng bào trong bản, chị thành lập Hợp tác xã Hoà Sơn ở thôn Na Lin, xã Bản Lầu, tỉnh Lào Cai và liên kết với 50 hộ dân trong thôn. Chị trực tiếp hướng dẫn bà con kỹ thuật, bao tiêu toàn bộ sản phẩm cho bà con. Sau đó, chị tiếp tục phát triển thêm các dòng sản phẩm mới như: ruốc lợn bản Mường Khương; thịt lợn bản Mường Khương; thịt nạc lợn bản sấy; thịt lợn sấy vị bò khô;... đồng thời cải tiến bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc. Đến nay Hợp tác xã đã có 10 sản phẩm đạt chất lượng OCOP 3 sao, tạo được chỗ đứng vững chắc tại các thành phố lớn, thị trường chính ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh...

Câu chuyện khởi nghiệp từ giống lợn đen bản địa của chị Hòa đã truyền cảm hứng và lan toả cách làm hay về tinh thần dám nghĩ, dám làm là minh chứng rõ nét cho hiệu quả của chương trình OCOP - Mỗi xã một sản phẩm trong việc phát triển kinh tế nông thôn, giữ gìn bản sắc văn hoá và tạo sinh kế bền vững cho người dân tộc thiểu số.

Chị Hoà tự chế biến các sản phẩm OCOP từ thịt lợn đen bản địa



Các thành viên Hợp tác xã đóng gói sản phẩm Khâu nhục Mường Khương đạt chất lượng OCOP 3 sao

LƯU HOÀ

Trung tâm KN và DVNN Lào Cai

HIỆU QUẢ TỪ MỘT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG



Bà con thực hành chế biến và dự trữ thức ăn thô xanh cho gia súc

Để giúp bà con tận dụng nguồn phụ phẩm nông nghiệp, tiết kiệm chi phí trong chăn nuôi, Trung tâm Khuyến nông Đắk Lắk đã triển khai mô hình chế biến và dự trữ thức ăn thô xanh cho gia súc. Xã Tuy An Tây, tỉnh Đắk Lắk là địa phương đi đầu thực hiện và nhân rộng mô hình này.

Toàn xã hiện có hơn 4.300 con gia súc, trong đó bò lai chiếm trên 90%. Thức ăn thô xanh chiếm tới 80% khẩu phần ăn hàng ngày, nhưng nguồn cỏ tươi chỉ dồi dào trong khoảng nửa năm, những tháng cuối năm thường khan hiếm do nắng hạn và mưa lũ. Nhờ áp dụng mô hình ủ chua cỏ và xử lý rơm bằng urê; bà con có nguồn thức ăn bổ sung dinh dưỡng, giúp bò khỏe mạnh, tăng trưởng nhanh, phù hợp với nuôi nhốt và vỗ béo.

Mô hình có 12 hộ tham gia, mỗi hộ có ít nhất 2 con bò. Bà con được hỗ trợ 50% vật tư, phần còn lại đối ứng. Sau 5 tháng, sản phẩm rơm mềm, thơm nhẹ, màu vàng tự nhiên; cỏ ủ có mùi hoa quả chín, màu vàng hơi xanh, bò ăn ngon miệng và quen dần như thức ăn thường ngày. Phân tích dinh dưỡng cho thấy hàm lượng protein trong rơm, cỏ tăng lên rõ rệt, giúp rút ngắn thời gian nuôi, giảm chi phí và tăng hiệu quả kinh tế.

Nhờ hiệu quả thiết thực, đến nay gần 100 hộ đã tham gia nhân rộng mô hình, đàn bò toàn xã trong khoảng hơn nửa năm tăng thêm hơn 300 con. Gia đình ông Đinh Văn Long ở thôn Trung Lương, sau khi tham gia tập huấn đã nắm vững được kỹ thuật chế biến thức ăn thô xanh cho gia súc. Nhờ vậy, ông tận dụng hết được nguồn rơm rạ và cỏ dư thừa, giảm việc đốt bỏ, đàn bò có thức ăn dự trữ trong mùa khan hiếm. Ông nhiệt tình hướng dẫn bà con xung quanh làm theo, trở thành hạt nhân lan tỏa mô hình. Đến nay, nhiều hộ ở các xã lân cận như Tuy An Nam, Tuy An Đông đã áp dụng mô hình này, góp phần phát triển đàn bò ở địa phương cả về số lượng và chất lượng.

Thời gian tới, để mô hình tiếp tục phát triển, hệ thống khuyến nông và chính quyền địa phương tiếp tục tăng cường tuyên truyền, tập huấn và hỗ trợ bà con nhân rộng. Đây là hướng đi phù hợp, góp phần tiết kiệm chi phí, nâng cao thu nhập cho nông dân, đồng thời thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

PHAN CHÂN THUYỀN

Tuy An Bắc, Đắk Lắk

PHÁT TRIỂN SINH KẾ BỀN VỮNG, HIỆU QUẢ TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY

Vườn Quốc gia Xuân Thủy được thiên nhiên ưu đãi với hệ rừng ngập mặn rộng lớn, nơi cư trú quan trọng của hơn 200 loài chim di cư và nhiều nguồn lợi thủy sản đặc hữu. Trước đây, sinh kế của cộng đồng nơi đây phụ thuộc chủ yếu vào đánh bắt tự nhiên và nuôi trồng quảng canh. Thu nhập bấp bênh, đời sống khó khăn và áp lực sinh tồn đã khiến rừng ngập mặn bị suy giảm nhanh chóng.

Chính quyền địa phương, Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy và nhiều cơ quan, tổ chức đã sớm nhận diện nguy cơ để triển khai một hướng đi mới giúp người dân sống được nhờ tài nguyên, bằng cách quản lý có trách nhiệm, bảo tồn đi đôi với phát triển. Vì thế, những mô hình “giữ rừng là giữ sinh kế” ngày càng lan tỏa mạnh mẽ.

Mô hình nuôi ong ngoại khai thác mật ong sú vẹt, có 20 hộ nuôi với 5.484 đàn, sản lượng đạt 120 tấn/vụ, thu nhập bình quân đạt trên 1 triệu đồng/đàn/năm.

Mô hình nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ rừng ngập mặn đã mang lại sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, kết hợp giữa bảo tồn tài nguyên và nâng cao thu nhập cho người dân. Các đối tượng nuôi phổ biến gồm tôm sú, cua biển, cá rô phi, cá bống bớp và ngêu, sò huyết. Năng suất trung bình 200–300 kg/ha/năm, lợi nhuận 50 – 60 triệu đồng/ha. Dự án xây dựng mô hình nuôi tôm sú hai giai đoạn trong rừng ngập mặn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm đã xây dựng 6 mô hình, với quy mô gần 90 ha; tổ chức liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm; nâng cao năng suất từ 200 – 300 kg/ha/năm lên trên 400 kg/ha/năm, lợi nhuận tăng trên 10% so với nuôi trồng theo hướng truyền thống.



Nhờ sự hỗ trợ của khuyến nông, các hộ dân tại Vườn quốc gia Xuân Thủy đã nắm vững kỹ thuật nuôi tôm quảng canh

Mô hình khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản dưới tán rừng ngập mặn với phương thức “thuận thiên”, không làm ảnh hưởng đến sinh cảnh tự nhiên. Có khoảng gần 1.000 hộ dân tham gia khai thác thủy sản dưới tán rừng ngập mặn, thu nhập trung bình 5 – 6 triệu đồng/người/tháng. Với các hộ có kinh nghiệm, kết hợp khai thác – thu mua – sơ chế, có thể đạt trên 100 triệu đồng/năm.

Mô hình du lịch sinh thái gắn với bảo tồn thiên nhiên góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa bản địa, đồng thời tạo công việc và thu nhập ổn định cho cộng đồng địa phương tại khu vực. Mô hình có sự tham gia của hơn 30 cộng đồng địa phương.

Các mô hình phát triển sinh kế bền vững, hiệu quả từ rừng tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy đã giúp người dân địa phương không chỉ có thêm nguồn thu nhập ổn định mà còn nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng, hệ sinh thái ngập mặn và nguồn lợi thủy sản.

Thu hoạch mật ong sú vẹt tại Vườn quốc gia Xuân Thủy

BBT

QUY TRÌNH SẢN XUẤT LÚA CHẤT LƯỢNG CAO VÀ PHÁT THẢI THẤP VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

(tiếp theo và hết)

2. QUẢN LÝ THU HOẠCH VÀ XỬ LÝ SAU THU

Lúa phải được thu hoạch đúng thời điểm; ứng dụng công nghệ sấy và bảo quản tiên tiến để giảm tối đa tổn thất sau thu hoạch về khối lượng, chất lượng:

a) Thu hoạch

- Thời điểm thu hoạch: khi lúa chín khoảng 85 - 90% hoặc theo thời gian sinh trưởng của từng nhóm giống (ngắn ngày: 90 - 105 ngày, trung ngày: 106 - 120 ngày, dài ngày: trên 120 ngày).

- Sử dụng máy gặt đập liên hợp để thu hoạch.

b) Sấy lúa

Lúa cần được sấy khô trong vòng 24 giờ sau khi thu hoạch.



Thu hoạch khi lúa chín khoảng 85 - 90%

c) Bảo quản lúa

- Lúa đưa vào bảo quản phải đạt độ ẩm dưới 14% (đối với lúa thương phẩm) và phải được làm sạch trước khi bảo quản.

- Có thể áp dụng một số công nghệ bảo quản phù hợp với điều kiện vùng Đồng bằng sông Cửu Long gồm:

+ Bảo quản trong kho có hệ thống thông khí cưỡng bức, giúp điều hòa nhiệt - ẩm trong khối lúa.

+ Bảo quản kín trong bao, kết hợp đặt trên kệ gỗ hoặc pallet để tránh ẩm từ nền đất.

+ Bảo quản trong silo, có kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm, phù hợp với quy mô sản xuất lớn và hệ thống logistics hiện đại.

+ Bảo quản lạnh được khuyến khích áp dụng đối với các lô hàng chất lượng cao xuất khẩu.

+ Hạn chế sử dụng biện pháp xông hơi khử trùng trong bảo quản và phải tuân thủ nghiêm quy định về giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

+ Khuyến khích áp dụng công nghệ số trong giám sát và quản lý kho bảo quản như: cảm biến đo nhiệt - ẩm tự động, báo phát hiện sâu mọt trong kho, nhật ký bảo quản số hóa và truy xuất nguồn gốc sau thu hoạch.

Những giải pháp này giúp giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng hạt gạo, và góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong toàn chuỗi sản xuất - tiêu thụ.



3. QUẢN LÝ RƠM RẠ

a) Rơm

- Tuyệt đối không đốt rơm và không vùi rơm trong ruộng ngập nước.

- Thu rơm ra khỏi ruộng bằng máy cuốn rơm và các công cụ khác, ưu tiên tái sử dụng hay tuần hoàn rơm tại địa phương.

- Trường hợp không thể thu gom rơm ra khỏi ruộng do điều kiện mưa, ngập nước, không thể vận chuyển hoặc đưa máy móc vào đồng ruộng, cần rút nước khỏi ruộng trước khi thực hiện cày/xới vùi rơm và kết hợp sử dụng chế phẩm sinh học để phân hủy rơm rạ.

- Rơm khô, chất lượng phù hợp có thể sử dụng để trồng nấm hoặc sản xuất thức ăn cho đại gia súc, đệm lót sinh học, nguyên liệu đầu vào cho các hệ thống sản xuất điện sinh khối (biomass power) và sản xuất các vật dụng thay thế nhựa như chậu hoa, ...; Rơm ướt hoặc rơm đã bị hoai mục sử dụng để phủ gốc cây lâu năm, phủ mặt luống cây rau màu, ... Riêng rơm đã bị mốc ủ hoai mục hoàn toàn được sử dụng làm phân bón hữu cơ.

- Tất cả các loại rơm và phụ phẩm hay chất thải từ trồng nấm và chăn nuôi nên được tái sử dụng tuần hoàn làm phân bón hữu cơ.

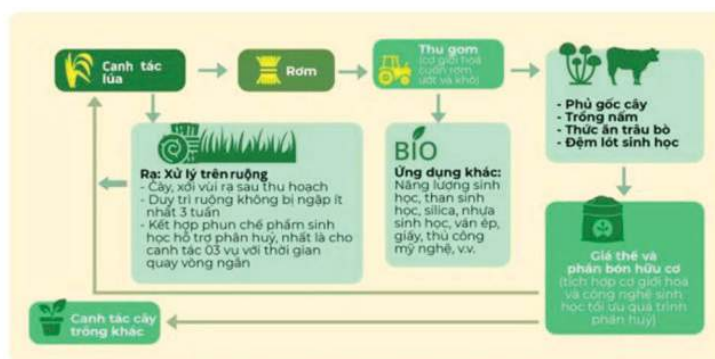
b) Gốc rạ

Khuyến khích áp dụng các biện pháp thúc đẩy phân hủy gốc rạ trong điều kiện không bị ngập nước như cày vùi, băm hay làm đập gốc rạ, phun chế phẩm sinh học phân hủy rơm rạ.

- Vụ đông xuân: Cày/xới vùi gốc rạ ngay sau thu hoạch (càng sớm càng tốt), duy trì điều kiện khô (không ngập nước) tối thiểu 2 tuần sau khi vùi để tăng hiệu quả phân hủy.

- Vụ hè thu và thu đông: Cày/xới ruộng ngay sau thu hoạch và kết hợp phun chế phẩm sinh học như Trichoderma, ... trước khi xới ruộng.

Sơ đồ quản lý rơm rạ tuần hoàn



KỸ THUẬT TẠO BÒ LAI HƯỚNG THỊT GIỮA TÌNH BÒ SENEPOL VỚI BÒ CÁI LAI ZEBU, BRAHMAN THUẦN

Viện Chăn nuôi đã nghiên cứu tạo con lai F1, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng thịt (của bò đực lai nuôi thương phẩm) và khả năng sinh sản của bò cái lai giữa bò đực Senepol với bò cái lai Zebu, bò cái Brahman thuần. Tiến bộ kỹ thuật này đã được công nhận theo Quyết định số 660/QĐ-CN-GVN và 661/QĐ-CN-GVN ngày 27/12/2024 của Cục trưởng Cục Chăn nuôi.

1. Tiến bộ kỹ thuật Bò lai hướng thịt giữa bò đực Senepol và bò cái lai Zebu

* Bò lai hướng thịt giữa bò đực Senepol và bò cái lai Zebu nuôi sinh sản

- Khả năng sinh trưởng từ sơ sinh đến 24 tháng tuổi:

+ Bò có khối lượng cơ thể trung bình tại các thời điểm: sơ sinh đạt 25,1kg; 06 tháng tuổi đạt 141,2kg; 12 tháng tuổi đạt 253,13kg; 18 tháng tuổi đạt 366,3kg và 24 tháng tuổi đạt 473,1kg.

+ Sinh trưởng tuyệt đối của bò lai để nuôi sinh sản giai đoạn 0-6; 7-12; 13- 18; 19-24 tháng tuổi đạt tương ứng là 650,56; 621,85; 628,7; và 593,15 g/ngày.

- Khả năng sinh sản của bò cái:

+ Tuổi động dục lần đầu của bò lai là 15,85 tháng.

+ Tuổi phối giống lần đầu là 16,26 tháng.

+ Khối lượng phối giống lần đầu là 321,56 kg.

+ Tuổi đẻ lứa đầu 26,01 tháng.

+ Thời gian mang thai trung bình 283,5 ngày.

+ Khối lượng bê sơ sinh là 27,4 kg.

+ Thời gian động dục trở lại 87,53 ngày.

* Bò lai hướng thịt giữa bò đực Senepol và bò cái lai Zebu nuôi thương phẩm

- Khả năng sinh trưởng từ sơ sinh đến 24 tháng tuổi:

+ Bò có khối lượng cơ thể trung bình tại các thời điểm: sơ sinh đạt 25,93kg; 06 tháng 141,39kg; 12 tháng tuổi đạt 249,07kg; 18 tháng tuổi đạt 371,43kg và 24 tháng tuổi đạt 544,98kg.

+ Sinh trưởng tuyệt đối của bò lai giai đoạn 0-6; 7-12; 13-18; 19-21 tháng đạt tương ứng 641,4; 598,2; 679,82 và 650,74 g/ngày. Giai đoạn vỗ béo 22-24 tháng đạt 1.277,52 g/ngày (dao động từ 1.262,22 - 1.304,78 g/ngày).



Bê cái lai Senepol (SE X LZ) 1 tháng



Bò mẹ F1 và bê F2 Senepol

+ Sinh trưởng tuyệt đối của bò đực giai đoạn 12-24 tháng đạt 821,97 g/ngày.

- Năng suất và chất lượng thịt của bò đực lai nuôi thương phẩm:

+ Khối lượng bò đưa vào giết thịt bình quân là 558,67kg; Tỷ lệ thịt xẻ đạt 54,83%; Tỷ lệ thịt tinh đạt 42,67%; Tỷ lệ thịt các loại 1, 2, 3 tương ứng là 42,77; 37,3 và 19,93%.

+ Điểm vân mỡ của thịt trung bình của bò lai (Se x LZ) đạt 366,67 điểm.

+ Thịt bò có độ mềm trung bình 3,67. Độ ẩm trung bình tổng số là 75,14%. Hàm lượng protein tổng số trung bình là 22,4%, hàm lượng chất béo và khoáng tổng số trong thịt bò đực tương ứng 1,28 và 1,13%.

2. Tiến bộ kỹ thuật Bò lai hướng thịt giữa bò đực Senepol và bò cái Brahman thuần

*** Bò lai hướng thịt giữa bò đực Senepol và bò cái Brahman thuần nuôi sinh sản**

- Khả năng sinh trưởng từ sơ sinh đến 24 tháng tuổi:

+ Bò có khối lượng cơ thể trung bình tại các thời

điểm: sơ sinh đạt 27,8 kg; 06 tháng tuổi đạt 145,03 kg; 12 tháng tuổi đạt 258,29 kg; 18 tháng tuổi đạt 379,48 kg và 24 tháng tuổi đạt 510,64 kg.

+ Sinh trưởng tuyệt đối của bò lai giai đoạn 0-6; 7-12, 13-18; 19-24 tháng đạt 651,13; 629,22; 673,24 và 728,70 g/con/ngày.

+ Sinh trưởng giai đoạn 12-24 tháng của bò cái đạt 700,97 g/con/ngày.

- Khả năng sinh sản của bò cái:

+ Tuổi động dục lần đầu của bò lai là 16,92 tháng.

+ Tuổi phối giống lần đầu là 17,7 tháng.

+ Khối lượng phối giống lần đầu là 368,17 kg.

+ Tuổi đẻ lứa đầu 27,58 tháng tuổi.

+ Thời gian mang thai trung bình 283,6 ngày.

+ Khối lượng bê sơ sinh là 30,11 kg.

+ Thời gian động dục lại 91,57 ngày.

*** Bò lai hướng thịt giữa bò đực Senepol và bò cái Brahman thuần nuôi thương phẩm**

- Khả năng sinh trưởng từ sơ sinh đến 24 tháng tuổi:

+ Bò có khối lượng cơ thể trung bình tại các thời điểm: sơ sinh đạt 29,2kg; 06 tháng tuổi đạt 150,77kg; 12 tháng tuổi đạt 252,53kg; 18 tháng tuổi đạt 406,86kg; 21 tháng tuổi đạt 473,61kg và 24 tháng tuổi đạt 589,62kg.

+ Sinh trưởng tuyệt đối của bò đực giai đoạn 0-6; 7-12; 13-18; 19-21 và 22-24 tháng đạt tương ứng 675,39; 565,33; 857,41; 741,63 và 1.288,97 g/ngày.

+ Sinh trưởng tuyệt đối của bò thương phẩm giai đoạn 12-24 tháng đạt 936,35 g/ngày.

- Năng suất và chất lượng thịt của bò đực nuôi thương phẩm:

+ Khối lượng bò đưa vào giết thịt bình quân 578,33kg; tỷ lệ thịt xẻ 55,85%; tỷ lệ thịt tinh đạt 42,8%; tỷ lệ các loại thịt 1, 2, 3 tương ứng đạt 43; 37,31 và 19,69%.

+ Điểm vân mỡ của thịt trung bình của thịt bò đạt 400 điểm.

+ Thịt bò có độ mềm trung bình 4,0. Độ ẩm trung bình tổng số của thịt bò là 74,87%. Hàm lượng protein tổng số trung bình là 22,56%, hàm lượng chất béo và khoáng tổng số trong thịt bò tương ứng 1,28 và 1,13%.

Bê lai (Se x Br) 1 tháng tuổi



Bê lai (Se x Br) 6 tháng tuổi

LỒNG NUÔI BIỂN CÔNG NGHỆ CAO - GIẢI PHÁP BỀN VỮNG CHO NGHỀ NUÔI THỦY SẢN



1. ƯU ĐIỂM CỦA LỒNG HDPE

Trước tác động của biến đổi khí hậu, yêu cầu hội nhập quốc tế và xu thế phát triển xanh, nuôi biển công nghiệp ứng dụng công nghệ cao trở thành hướng đi tất yếu. Trên thế giới, các mô hình này đã chứng minh hiệu quả vượt trội và hiện đang dần được áp dụng tại nước ta. Các công nghệ nổi bật gồm lồng HDPE với độ bền cao, tuổi thọ trên 50 năm; lồng composite nhẹ, chống ăn mòn; lồng chìm có thể hạ sâu khi gặp bão, giảm thiệt hại và lồng xa bờ chịu sóng với thiết kế kiên cố, phù hợp nuôi công nghiệp quy mô lớn. Việc chuyển đổi sang các mô hình tiên tiến này không chỉ nâng cao hiệu quả kinh tế và an toàn sinh thái mà còn đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về ESG, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận bền vững. Đặc biệt, xu hướng nuôi đa tầng - đa loài (cá, nhuyễn thể, rong biển) đang được khuyến khích nhằm tối ưu hóa không gian, giảm ô nhiễm và hình thành chuỗi giá trị khép kín, hướng đến phát triển bền vững.

Khung lồng làm từ ống HDPE có khả năng chịu lực và chống va đập rất cao, hoàn toàn không gỉ sét hay mục nát như gỗ hoặc sắt thép, giúp lồng có thể chống chịu tốt trong điều kiện bão, sóng lớn và dòng chảy mạnh, vốn là đặc trưng của nhiều vùng biển Việt Nam.

Nuôi biển công nghệ cao đã chứng minh được hiệu quả vượt trội và đang dần được áp dụng tại nước ta



Lồng HDPE có tuổi thọ trên 50 năm, giúp giảm chi phí bảo trì, thay thế trong suốt vòng đời sử dụng. Mặc dù chi phí đầu tư ban đầu cao hơn, song về dài hạn thì chi phí vòng đời thấp mang lại hiệu quả sinh lời bền vững cho ngư dân và doanh nghiệp.

Trong thiết kế lồng, dễ thay đổi kích thước và hình dạng dễ dàng, tùy theo đặc điểm loài nuôi và quy mô. Lồng tròn HDPE với đường kính lớn được đánh giá phù hợp cho các loài cá bơi nhanh như cá chim, cá bớp, cá hồng mỹ, giúp giảm va đập và nâng cao tỷ lệ sống. Sự linh hoạt này cho phép tối ưu hóa không gian nuôi, đồng thời nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Do đặc tính trơn nhẵn, mềm dẻo và ít gây ma sát, lồng HDPE giảm đáng kể tình trạng xây xát của cá, đặc biệt với các loài có tập tính bơi mạnh. Môi trường nuôi trong lồng HDPE ổn định hơn, hạn chế hiện tượng stress ở cá, cải thiện tỷ lệ sống, tốc độ sinh trưởng và chất lượng thịt.

2. CÁC LOẠI LỒNG NUÔI

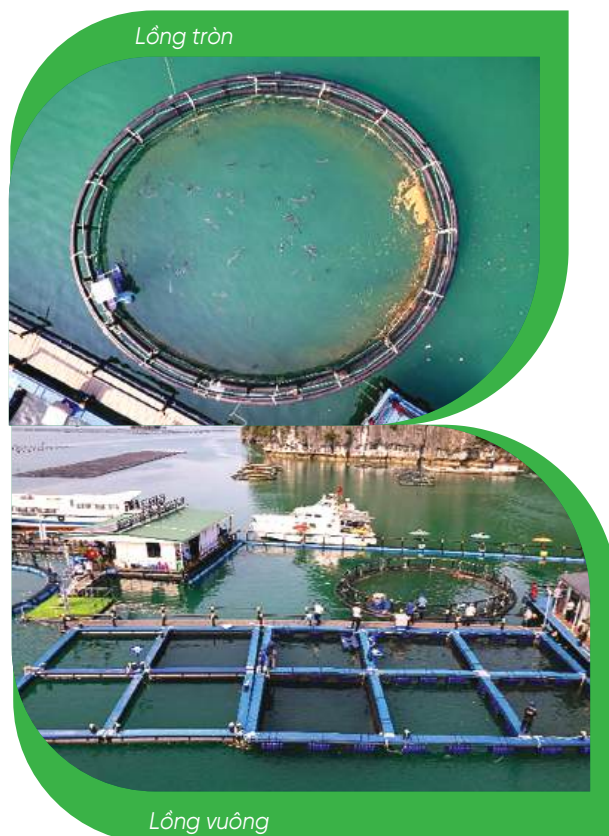
Lồng vuông hoặc chữ nhật là phổ biến nhất, kích thước từ 4x4m, 5x5m, 6x6m đến 20x20m. Đây là dạng lồng có thể vận hành dễ dàng ở các vùng vịnh kín hoặc khu vực gần bờ, nơi điều kiện sóng gió không quá khắc nghiệt. Ưu điểm là thuận tiện trong quản lý, chăm sóc và thu hoạch, đặc biệt phù hợp cho giai đoạn ương cá giống, nuôi tôm hoặc các loài thủy sản có mật độ thấp.

Lồng tròn có chu vi từ 50 – 200m, dùng để nuôi các loài cá có kích thước lớn, tốc độ bơi nhanh. Dạng lồng này có khả năng chịu sóng gió tốt, thích hợp với các vùng biển hở, nơi điều kiện tự nhiên khắc nghiệt hơn so với khu vực gần bờ.

Lồng chìm được trang bị hệ thống phao và neo có thể điều chỉnh độ sâu, cho phép hạ toàn bộ cấu trúc xuống tầng nước an toàn khi có bão hoặc sóng lớn, nhằm giảm thiểu thiệt hại đáng kể.

Thiết bị cho ăn tự động giúp tối ưu hóa khẩu phần và thời gian cho ăn, hệ thống này có thể lập trình dựa trên sinh trưởng của cá, điều kiện thời tiết và tình trạng dòng chảy. Nhờ đó, lượng thức ăn dư thừa giảm đáng kể, hạn chế ô nhiễm môi trường nước, đồng thời tiết kiệm chi phí tới 20 – 30%.

Hệ thống giám sát chất lượng nước với cảm biến hiện đại đo độ mặn, pH, oxy hòa tan và nhiệt độ được kết nối trực tiếp về trung tâm điều hành theo thời gian thực. Công nghệ này cho phép người nuôi kịp thời phát hiện các biến động bất lợi trong môi trường, từ đó có biện pháp ứng phó nhanh chóng, tránh được những thiệt hại do dịch bệnh hoặc ô nhiễm cục bộ.



3. HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ TÍCH HỢP CHO NUÔI BIỂN HIỆN ĐẠI

Camera giám sát dưới nước – như “con mắt điện tử” theo dõi sức khỏe và hành vi của cá trong quá trình nuôi. Nhờ hình ảnh trực quan, người quản lý dễ dàng phát hiện dấu hiệu stress, chấn thương hoặc dịch bệnh sớm, từ đó đưa ra quyết định điều chỉnh mật độ, khẩu phần ăn hoặc môi trường nuôi kịp thời.

Hệ thống quản lý từ xa dựa trên IoT tích hợp dữ liệu từ lồng nuôi, thiết bị giám sát và camera về trung tâm điều hành. Với chỉ một thiết bị di động hoặc máy tính, nhà quản lý có thể theo dõi tình hình trang trại mọi lúc, mọi nơi.

Thực tế triển khai hệ thống lồng nuôi công nghệ cao tại Quảng Ninh, Khánh Hòa, Ninh Thuận đã phát triển mô hình nuôi cá chim, hầu kết hợp rong sụn, tạo ra một chuỗi giá trị tuần hoàn, vừa tăng hiệu quả kinh tế vừa đảm bảo cân bằng sinh thái. Kết quả cho thấy tỷ lệ sống của cá nuôi tăng 20–30% so với nuôi trong lồng gỗ, tre truyền thống; năng suất tăng 1,5 – 2 lần, sản phẩm có kích thước đồng đều, chất lượng cao hơn và dễ dàng đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu quốc tế.



Hạt tiêu Việt Nam lập kỷ lục mới, cán mốc gần 1,4 tỷ USD

Kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu 10 tháng đầu năm 2025 đạt 1,39 tỷ USD, vượt qua mức của cả năm 2024. Theo Cục Hải quan, lũy kế 10 tháng năm 2025, xuất khẩu hạt tiêu đạt 205.229 tấn, trị giá 1,39 tỷ USD, giảm 6,4% về lượng, tăng 25,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 10 tháng năm 2025, giá bình quân xuất khẩu hạt tiêu đạt 6.780 USD/tấn, tăng 33,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Theo Hiệp hội Hồ tiêu Quốc tế, sản lượng hạt tiêu toàn cầu có thể phục hồi lên khoảng 533.000 tấn vào năm 2026. Dự báo giá hạt tiêu trên thị trường thế giới tiếp tục xu hướng tăng, cùng với nhu cầu phục hồi tại các thị trường trọng điểm, sẽ tạo lực đẩy cho xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong những tháng cuối năm. Dù sản lượng có thể không tăng nhiều, nhưng giá bán cao sẽ giúp ngành duy trì tốc độ tăng trưởng mạnh về giá trị, hướng tới mục tiêu vượt mốc 1,5 tỷ USD trong năm 2025.

Theo NN và MT



Thị trường tôm đông lạnh toàn cầu tăng trưởng mạnh mẽ đến năm 2035

Thị trường tôm đông lạnh toàn cầu được dự báo sẽ tăng từ khoảng 18.742,6 triệu USD năm 2025 lên 32.847,3 triệu USD vào năm 2035 - tương đương mức tăng khoảng 75,3% trong 10 năm tới. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm ước đạt 5,8% từ 2025 đến 2035. Khu vực tăng trưởng chính châu Á - Thái Bình Dương, Bắc Mỹ, Châu Âu.

Các vùng nuôi tôm lớn đang đầu tư mạnh vào công nghệ: bóc vỏ tự động, hệ thống phân loại chất lượng, trang thiết bị đông lạnh nhanh, máy đóng gói hiện đại và hệ thống truy xuất nguồn gốc. Điều này không chỉ giúp giảm chi phí và nâng cao năng suất mà còn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về an toàn thực phẩm, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc - yếu tố rất quan trọng trong xuất khẩu và bán lẻ quốc tế.

Châu Á - Thái Bình Dương là trung tâm sản xuất và xuất khẩu tôm đông lạnh, với khả năng mở rộng lớn về nuôi trồng và chế biến. Bắc Mỹ và châu Âu là những thị trường tiêu thụ chính, yêu cầu sản phẩm cao cấp, tiện lợi và tuân thủ tiêu chuẩn an toàn thực phẩm nghiêm ngặt.

Theo Vasep



BẢN TIN KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

PGS.TS. Lê Quốc Thanh

BAN BIÊN TẬP

ThS. Hoàng Văn Hồng

TS. Lê Minh Lịnh

TS. Huỳnh Kim Định

ThS. Đỗ Phan Tuấn

ThS. Lương Tiến Khiêm

ThS. Nguyễn Bá Tiến

TS. Nguyễn Thị Hải

TS. Hoàng Tuyền Phương

ThS. Đặng Xuân Trường

TS. Nguyễn Đức Hải

ThS. Doãn Văn Chiến

THƯ KÍ BIÊN TẬP

ThS. Đỗ Thị Việt Oanh

TRỤ SỞ TÒA SOẠN

16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

ĐT: 024. 3728 2485

Email: tthlknqg@gmail.com

Website: khuyennongvn.gov.vn

Giấy phép xuất bản

số 37/GP-XBBT

ngày 17 tháng 9 năm 2025

Số lượng: 7000 bản/số

Nơi in: Công ty Cổ phần In Hà Nội

Bìa 1: Thu hoạch rau vụ đông.

Ảnh: CTV

TRONG SỐ NÀY

Thông tin chủ trương, chính sách nông nghiệp và PTNT

- Quyết liệt phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm vụ đông xuân 2025 – 2026
- Khẩn trương hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn hệ thống khuyến nông

Hoạt động khuyến nông

- Ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và các giải pháp áp dụng vào sản xuất kinh doanh
- Khuyến nông – “Chìa khóa vàng” giúp nông dân xóa đói, giảm nghèo và làm giàu
- Vai trò khuyến nông và Tổ Khuyến nông cộng đồng trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp
- Xây dựng kiến thức MRV cho cán bộ khuyến nông phục vụ sản xuất lúa phát thải thấp
- Trồng rừng thâm canh keo lai góp phần giảm nghèo bền vững tại Quảng Trị
- Mở ra hướng phát triển kinh tế từ mô hình nuôi ngan thương phẩm ATSH
- Nuôi tôm 2 giai đoạn, hướng đi hiệu quả cho các vùng nuôi ven sông ở Quảng Trị
- Thành công bước đầu của Dự án nuôi cá song bằng lồng HDPE đạt chứng nhận VietGAP

Sự kiện khuyến nông

- Kết nối bảo tồn rừng và sinh kế cộng đồng tại vùng đệm các vườn quốc gia
- Giải pháp phòng chống rét cho gia súc tại các tỉnh miền núi phía Bắc

Xây dựng Nông thôn mới

- Xã Chi Lăng Nam xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu gắn với nông thôn thông minh

Mô hình, điển hình tiên tiến

- Trồng nho cho hiệu quả kinh tế cao ở Bắc Ninh
- Người phụ nữ dân tộc Nùng đưa lợn đen bản địa nâng tầm OCOP
- Hiệu quả từ một mô hình khuyến nông
- Phát triển sinh kế bền vững, hiệu quả tại Vườn quốc gia Xuân Thủy

Khoa học kỹ thuật và công nghệ

- Quy trình sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long (tiếp theo và hết)
- Kỹ thuật tạo bò lai hướng thịt giữa tinh bò Senepol thuần với bò cái lai Zebu, Brahman thuần
- Lồng nuôi biển công nghệ cao – giải pháp bền vững cho nghề nuôi thủy sản
- Tin thị trường



Niềm Vui
**TRÊN NHỮNG
CÁNH ĐỒNG
VỤ ĐÔNG**

